

작성방법
Cách điền đơn

- ※ 이 신고는 개명허가결정등본을 받은 날로부터 1개월 이내에 신고하여야 합니다.
※ Khai báo này phải được khai báo trong vòng 1 tháng kể từ ngày nhận được bản sao quyết định cho phép đổi tên.
- ①란: 본인의 성명은 개명 전 이름과 개명 후 이름을 나누어 기재합니다.
Mục ①: Chia tên bản thân thành tên trước khi đổi và tên sau khi đổi rồi điền vào.
- ②란: 개명 후 이름(개명허가결정등본에 기재된 개명허가를 받은 이름)을 기재하며, 한자가 없는 경우는 한글난에만 기재합니다.
Mục ②: Viết tên sau khi đổi (tên được nhận sự cho phép đổi tên được ghi trên bản sao quyết định cho phép đổi tên), và trường hợp không có chữ Hán thì chỉ viết vào mục chữ Hàn.
- ③란: 개명허가일자(개명허가결정등본에 기재된 연월일)를 기재합니다.
Tại ③: Ngày cho phép đổi tên viết ngày tháng năm được ghi trên bản sao quyết định cho phép đổi tên.
- ④란: 가족관계등록부에 기록을 분명하게 하는 데에 특히 필요한 사항을 기재합니다.
Mục ④: Điền nội dung đặc biệt cần thiết để làm sáng tỏ ghi chép trong sổ đăng ký quan hệ gia đình.
- ⑤란: 본인이 신고하는 경우 개명 후의 이름을 기재합니다.
Mục ⑤: Trường hợp bản thân tự khai báo thì hãy viết tên sau khi đổi.
- ⑥란: 제출인(신고인이 작성한 신고서를 신고인이 아닌 사람이 제출할 경우만 기재)의 성명 및 주민등록번호를 기재합니다[접수담당공무원은 신분증과 대조하여야 함].
Mục ⑥: Điền họ tên và số chứng minh thư Hàn của người nộp đơn (chỉ điền nếu người nộp đơn đăng ký không phải người đăng ký) [Cán bộ phụ trách tiếp nhận phải kiểm tra giấy tờ tùy thân].

첨부서류
Hồ sơ đính kèm

1. 개명허가결정등본 1부.
 1. Bản sao quyết định cho phép đổi tên 1 bản
 2. 신분확인[가족관계등록예규 제600호에 의함]
 2. Xác minh nhân thân [theo Điểm 600 Quy định Đăng ký quan hệ gia đình]
 - 신고인이 출석한 경우: 신분증명서
 - Trường hợp người đăng ký có mặt: Giấy tờ tùy thân
 - 제출인이 출석한 경우: 제출인의 신분증명서
 - Trường hợp người nộp đơn có mặt: Giấy tờ tùy thân của người nộp đơn
 - 우편으로 제출할 경우: 신고인의 신분증명서 사본
 - Trường hợp nộp bằng đường bưu điện: Bản sao giấy tờ tùy thân của người đăng ký
- ※ 신고인이 성년후견인인 경우에는 2항의 서류 외에 성년후견인의 자격을 증명하는 서면도 함께 첨부해야 합니다.
※ Trường hợp người đăng ký là người giám hộ người trưởng thành, ngoài tài liệu ở khoản 2, phải đính kèm tài liệu chứng minh tư cách của người giám hộ người trưởng thành.